

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/7/2026

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Trương
- Ông Trần Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trăm – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ: Bà Lâm Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2026/QĐ-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Ngọc H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp X, xã T, thành phố Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh Tân, xã Thạnh Xuân, thành phố Cần Thơ.

(Nay là ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Xuân, thành phố Cần Thơ.)

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 18/3/2026 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn P kết hôn

với nhau tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 09 tháng 5 năm 2013. Quá trình sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vợ chồng không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau. Mặc dù cả hai cố gắng hàn gắn gia đình nhưng vẫn không cải thiện. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung gồm: Nguyễn Nhật N, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2012 và cháu Nguyễn Mai T sinh ngày 19/6/2016. Hiện nay các cháu đang sống chung với bà H. Bà yêu cầu được nuôi con chung, bà yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà H có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 Cần Thơ phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đối với bà Mai Thị Ngọc H vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H. Đối với anh Nguyễn Văn P vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh P.

Về nội dung vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn P, đồng thời yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung và

cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P có nơi cư trú tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn P tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 09 tháng 5 năm 2013. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời trình bày của nguyên đơn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm, yêu thương và tôn trọng nhau. Mặc dù hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân không được cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này thể hiện bị đơn không quan tâm đến việc duy trì quan hệ

hôn nhân, đồng thời từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị Ngọc H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do quan hệ hôn nhân giữa bà H và anh P không còn tồn tại nên giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 321/2013 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn P vào ngày 09 tháng 5 năm 2013 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà H và ông P có 02 con chung là cháu Nguyễn Mai T, sinh ngày 19/6/2016 và cháu Nguyễn Nhật N, sinh ngày 02/10/2012. Hiện nay cả hai cháu đang do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy các cháu hiện còn nhỏ, đang sống ổn định với chị H. Quá trình giải quyết vụ án, ông P không có ý kiến về việc nuôi con, không chứng minh được điều kiện để trực tiếp chăm sóc, giáo dục các con. Để đảm bảo sự ổn định về môi trường sống, học tập và sự phát triển toàn diện của các cháu, cần tiếp tục giao cả hai con chung cho bà Mai Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bà H yêu cầu ông Nguyễn Văn P cấp dưỡng mỗi cháu số tiền 1.500.000 đồng/tháng, tổng cộng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy mức sống tối thiểu theo quy định hiện hành là 2.070.000 đồng/người/tháng, để bảo đảm nhu cầu thiết yếu của trẻ em nên xác định mức cấp dưỡng đối với mỗi cháu là 2.070.000 đồng/tháng. Do đó Hội đồng xét xử điều chỉnh lại mức cấp dưỡng nuôi các cháu để đảm bảo cháu N1 và cháu T có cuộc sống tốt nhất.

Sau khi ly hôn, anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở; trường hợp lạm dụng việc thăm nom để ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn không có

ý kiến khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về án phí:

Yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị Ngọc H được chấp nhận nên bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, ông Nguyễn Văn P là người phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho bà Mai Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 321/2013 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà Mai Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn P vào ngày 09 tháng 5 năm 2013 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mai T, sinh ngày 19 tháng 6 năm

2016 và cháu Nguyễn Nhật N, sinh ngày 02/10/2012 cho bà Mai Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi cháu 2.070.000 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng)/tháng, tổng cộng 4.140.000 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng)/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Mức cấp dưỡng nêu trên được điều chỉnh khi có căn cứ theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình hoặc theo quyết định khác của Tòa án.

Ông Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom để ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Bà Mai Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007065 ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ; bà H đã nộp đủ án phí.

Buộc ông Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Trường Long Tây, TP. Cần Thơ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đua